

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á



MỤC LỤC

---oOo---

| | Trang |
|--------------------------------------------------|---------|
| 1- BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 01 - 03 |
| 2- BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 04 |
| 3- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 05 - 08 |
| 4- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 09 |
| 5- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 10 - 12 |
| 6- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 13 - 55 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

1. Thông tin chung về Ngân hàng:

Thành lập:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á ("Ngân hàng") được thành lập và đăng ký hoạt động tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") đã cấp giấy phép số 55/GP-NHNN về việc thành lập và hoạt động Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á. Giấy phép này thay thế cho Giấy phép hoạt động số 12/NH-GP ngày 9 tháng 5 năm 2003 do NHNNVN cấp; Quyết định số 440/QĐ-NHNN ngày 9 tháng 5 năm 2003 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 9 tháng 5 năm 2003.

Hoạt động của Ngân Hàng:

- Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
- Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - + Cho vay;
 - + Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - + Bảo lãnh ngân hàng;
 - + Phát hành thẻ tín dụng;
 - + Bao thanh toán trong nước.
- Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng
- Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:
 - + Cung ứng phương tiện thanh toán;
 - + Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
- Mở tài khoản
 - + Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - + Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài khác.
- Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia
- Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
- Dịch vụ môi giới tiền tệ.
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động của ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định.
- Kinh doanh mua, bán vàng miếng.
- Mua nợ.
- Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.
- Ví điện tử.

Tên viết tắt: VIETABANK

Trụ sở chính: 34A-34B Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Ngân hàng được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

Hội đồng quản trị

| | |
|-------------------------|--------------|
| Ông PHƯƠNG HỮU VIỆT | Chủ tịch |
| Ông PHAN VĂN TỚI | Phó Chủ tịch |
| Ông PHƯƠNG XUÂN THỤY | Phó Chủ tịch |
| Ông NGUYỄN VĂN HẢO | Thành viên |
| Ông TRẦN TIỀN DŨNG | Thành viên |
| Bà NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG | Thành viên |

Ban Kiểm soát

| | |
|----------------------|------------|
| Bà NGUYỄN KIM PHƯỢNG | Trưởng ban |
| Bà NGUYỄN THỊ HOAN | Thành viên |
| Ông HOÀNG VŨ TÙNG | Thành viên |

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

| | | |
|--------------------|-------------------|----------------------------------|
| Ông NGUYỄN VĂN HẢO | Tổng Giám đốc | |
| Ông PHẠM LINH | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông TRẦN TIẾN DŨNG | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông VŨ ĐỨC HÙNG | Phó Tổng Giám đốc | (bổ nhiệm kể từ ngày 17/10/2019) |
| Ông LÊ MINH HUẤN | Phó Tổng Giám đốc | (bổ nhiệm kể từ ngày 02/12/2019) |
| Ông LÃ QUANG TRUNG | Kế toán trưởng | |

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng

Người đại diện theo pháp luật trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất là Ông PHƯƠNG HỮU VIỆT

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

Tp. Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

TM. Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN HẢO

Tổng Giám đốc



Số: A0619260-HN/AISC-DN6

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing And Informatic Services Company Limited

Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) Fax: (84.28) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

QUÝ VỊ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Á ("Ngân hàng"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2020, từ trang 05 đến trang 55 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Á tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán của Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. HCM, ngày 30 tháng 3 năm 2020

KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐƯƠNG THỊ PHƯƠNG ANH
Số GCNĐKHNKT: 0321-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN
Tạ Văn Giới
Số GCNĐKHNKT: 3497-2016-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|-------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------|---------------------------|
| A. TÀI SẢN | | | |
| I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý | V.01 | 266.475.949.276 | 318.618.212.910 |
| II. Tiền gửi tại ngân hàng nhà nước | V.02 | 2.941.222.700.590 | 440.947.678.293 |
| III. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác | V.03 | 11.627.382.764.646 | 15.267.644.813.949 |
| 1. Tiền gửi tại các TCTD khác | | 11.627.382.764.646 | 15.267.644.813.949 |
| 2. Cho vay các TCTD khác | | - | - |
| 3. Dự phòng rủi ro | | - | - |
| IV. Chứng khoán kinh doanh | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | | - | - |
| 2. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh | | - | - |
| V. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | V.04 | 49.127.120.000 | 883.750.000 |
| VI. Cho vay khách hàng | | 42.158.036.315.716 | 37.522.475.137.691 |
| 1. Cho vay khách hàng | V.5.1 | 42.623.753.622.624 | 37.916.118.452.171 |
| 2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng | V.5.2 | (465.717.306.908) | (393.643.314.480) |
| VII. Hoạt động mua nợ | V.06 | 1.518.946.560 | 1.518.946.560 |
| 1. Mua nợ | | 1.518.946.560 | 1.518.946.560 |
| 2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ | | - | - |
| VIII. Chứng khoán đầu tư | V.07 | 13.442.438.356.158 | 12.095.661.282.116 |
| 1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán | | 10.218.379.052.113 | 8.455.196.627.744 |
| 2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | | 4.062.797.278.819 | 4.287.647.188.025 |
| 3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư | | (838.737.974.774) | (647.182.533.653) |
| IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn | V.08 | 313.373.630.000 | 313.373.630.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | | - | - |
| 2. Vốn góp liên doanh | | - | - |
| 3. Đầu tư vào công ty liên kết | | - | - |
| 4. Đầu tư dài hạn khác | | 313.373.630.000 | 313.373.630.000 |
| 5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | | - | - |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|---------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| X. Tài sản cố định | | 196.517.738.805 | 195.390.392.874 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | V.9 | 80.444.595.262 | 80.794.186.991 |
| a. Nguyên giá TSCĐ | | 309.541.716.472 | 292.199.054.004 |
| b. Hao mòn TSCĐ | | (229.097.121.210) | (211.404.867.013) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | | - | - |
| a. Nguyên giá TSCĐ | | - | - |
| b. Hao mòn TSCĐ | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | V.10 | 116.073.143.543 | 114.596.205.883 |
| a. Nguyên giá TSCĐ | | 216.317.193.940 | 212.717.049.940 |
| b. Hao mòn TSCĐ | | (100.244.050.397) | (98.120.844.057) |
| XI. Bất động sản đầu tư | V.11 | 3.034.540.000 | - |
| a. Nguyên giá bất động sản đầu tư | | 3.034.540.000 | - |
| b. Hao mòn bất động sản đầu tư | | - | - |
| XII. Tài sản Có khác | V.12 | 5.447.635.577.054 | 5.134.801.875.476 |
| 1. Các khoản phải thu | | 1.198.378.832.013 | 1.453.910.813.032 |
| 2. Các khoản lãi, phí phải thu | | 3.111.601.728.533 | 2.454.018.413.535 |
| 3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại | | - | - |
| 4. Tài sản Có khác | | 1.187.355.016.508,00 | 1.228.412.648.909 |
| - Trong đó: Lợi thế thương mại | | - | - |
| 5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác | | (49.700.000.000) | (1.540.000.000) |
| TỔNG TÀI SẢN CÓ | | 76.446.763.638.805 | 71.291.315.719.869 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | | |
| I. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước | V.13 | - | 10.171.722.067 |
| II. Tiền gửi và vay các TCTD khác | V.14 | 21.416.475.700.130 | 22.714.461.659.651 |
| 1. Tiền gửi của các TCTD khác | | 12.748.638.300.157 | 16.100.806.728.273 |
| 2. Vay các TCTD khác | | 8.667.837.399.973 | 6.613.654.931.378 |
| III. Tiền gửi của khách hàng | V.15 | 47.428.710.471.366 | 41.367.098.156.574 |
| IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | | - | - |
| V. Vốn tài trợ, Ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro | V.16 | 6.546.256.000 | 14.258.508.000 |
| VI. Phát hành giấy tờ có giá | V.17 | 1.249.345.128.315 | 1.682.143.421.968 |
| VII. Các khoản nợ khác | V.18 | 1.903.419.629.782 | 1.268.313.342.289 |
| 1. Các khoản lãi, phí phải trả | | 1.373.901.578.799 | 1.010.318.361.845 |
| 2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả | | - | - |
| 3. Các khoản phải trả và công nợ khác | | 529.518.050.983 | 257.994.980.444 |
| 4. Dự phòng rủi ro khác (Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn) | | - | - |
| TỔNG NỢ PHẢI TRẢ | | 72.004.497.185.593 | 67.056.446.810.549 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|----------------------------------------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| VIII. Vốn chủ sở hữu | V.19 | 4.442.266.453.212 | 4.234.868.909.320 |
| 1. Vốn của TCTD | | 3.500.102.540.351 | 3.500.102.540.351 |
| a. Vốn điều lệ | | 3.499.990.470.000 | 3.499.990.470.000 |
| b. Vốn đầu tư XDCCB, mua sắm tài sản cố định | | - | - |
| c. Thặng dư vốn cổ phần | | 98.600.000 | 98.600.000 |
| d. Cổ phiếu quỹ | | - | - |
| e. Cổ phiếu ưu đãi | | - | - |
| f. Vốn khác | | 13.470.351 | 13.470.351 |
| 2. Quỹ của TCTD | | 227.052.071.266 | 195.942.439.682 |
| 3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | - | - |
| 4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | | - | - |
| 5. Lợi nhuận chưa phân phối | | 715.111.841.595 | 538.823.929.287 |
| TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 76.446.763.638.805 | 71.291.315.719.869 |

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|------------------------------------|-------------|--------------------|-------------------|
| 1. Bảo lãnh vay vốn | | - | - |
| 2. Cam kết giao dịch hối đoái | VIII.35 | 11.921.835.076.420 | 2.713.815.000.000 |
| 2.1 Cam kết mua ngoại tệ | | 231.730.000.000 | 162.365.000.000 |
| 2.2 Cam kết bán ngoại tệ | | - | - |
| 2.3 Cam kết giao dịch hoán đổi | | 11.690.105.076.420 | 2.551.450.000.000 |
| 2.4 Cam kết giao dịch tương lai | | - | - |
| 3. Cam kết cho vay không hủy ngang | | - | - |
| 4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C | VIII.35 | 158.276.346.490 | 29.437.822.914 |
| 5. Bảo lãnh khác | VIII.35 | 548.756.050.446 | 550.276.757.476 |
| 6. Các cam kết khác | | - | - |

Tp. Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu



NGUYỄN HỮU CƯỜNG

Kế toán trưởng



LÊ QUANG TRUNG

Tổng Giám đốc




NGUYỄN VĂN HẢO

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2019 | Năm 2018 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------------------|
| 1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | VI.20 | 4.918.276.257.643 | 4.244.311.073.392 |
| 2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự | VI.21 | 3.899.112.159.152 | 3.134.387.962.456 |
| I. Thu nhập lãi thuần | | 1.019.164.098.491 | 1.109.923.110.936 |
| 3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | | 22.992.606.611 | 15.379.982.197 |
| 4. Chi phí hoạt động dịch vụ | | 36.136.649.589 | 22.858.834.639 |
| II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ | VI.22 | (13.144.042.978) | (7.478.852.442) |
| III. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | VI.23 | 9.619.206.443 | (978.600.810) |
| IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | VI.24 | 2.280.537.636 | 2.856.913.757 |
| V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | VI.25 | 1.819.467.837 | 1.650.194.010 |
| 5. Thu nhập từ hoạt động khác | | 229.944.657.669 | 73.991.388.358 |
| 6. Chi phí hoạt động khác | | 7.764.518.553 | 2.079.768.665 |
| VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác | VI.26 | 222.180.139.116 | 71.911.619.693 |
| VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | VI.27 | 1.165.328.500 | 1.412.328.500 |
| VIII. Chi phí hoạt động | VI.28 | 601.331.722.462 | 564.180.912.736 |
| IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | | 641.753.012.583 | 615.115.800.908 |
| X.1 Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | VI.29 | 365.935.334.805 | 464.588.074.298 |
| XI. Tổng lợi nhuận trước thuế | | 275.817.677.778 | 150.527.726.610 |
| 7. Chi phí thuế TNDN hiện hành | | 68.420.133.886 | 32.112.076.561 |
| 8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | | - | - |
| XII. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp | VI.30 | 68.420.133.886 | 32.112.076.561 |
| XIII. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp | | 207.397.543.892 | 118.415.650.049 |
| XIV. Lợi ích của cổ đông thiểu số | | - | - |
| XV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | V.19.2 | 593 | 338 |

Tp. Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN HỮU CƯỜNG



LÊ QUANG TRUNG




NGUYỄN VĂN HẢO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2019 | Năm 2018 |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------|------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được | | 4.260.692.942.645 | 4.681.082.337.963 |
| 02. Chi phí lãi và các khoản thu nhập tương tự đã trả | | (3.535.528.942.198) | (2.979.182.799.271) |
| 03. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được | | (13.144.042.978) | (7.478.852.442) |
| 04. Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán) | | 13.719.211.916 | 3.528.506.957 |
| 05. Thu nhập khác | | (71.681.203.261) | (327.363.380.529) |
| 06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý hoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro | | - | - |
| 07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ | | (581.397.082.857) | (535.256.999.248) |
| 08. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ | | (33.986.816.408) | (45.825.426.973) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</i> | | 38.674.066.859 | 789.503.386.457 |
| Những thay đổi về tài sản hoạt động | | | |
| 09. (Tăng)/Giảm các khoản tiền và cho vay các TCTD khác | | (50.000.000.000) | 900.000.000.000 |
| 10. (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán | | (1.346.777.074.042) | 426.020.996.696 |
| 11. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | | (48.243.370.000) | 677.800.000 |
| 12. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng | | (4.707.635.170.453) | (3.689.500.881.810) |
| 13. Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản | | - | - |
| 14. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động | | (56.261.431.352) | (1.101.491.029.510) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2019 | Năm 2018 |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------|--------------------------|
| <i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i> | | | |
| 15. Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN | | (10.171.722.067) | 10.171.722.067 |
| 16. Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi và vay các TCTD | | (1.297.985.959.521) | (55.818.964.914) |
| 17. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước) | | 6.061.612.314.792 | 6.964.695.213.205 |
| 18. Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính) | | (432.798.293.653) | (481.431.235.642) |
| 19. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro | | (7.712.252.000) | (10.594.490.000) |
| 20. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | | - | - |
| 21. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động | | 635.106.287.493 | 311.717.483.292 |
| 22. Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng | | | |
| I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | (1.222.192.603.944) | 4.063.949.999.841 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 01. Mua sắm TSCĐ | | (18.067.475.196) | (7.421.257.670) |
| 02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | | - | 631.818.182 |
| 03. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | | - | - |
| 04. Mua sắm bất động sản đầu tư | | (3.034.540.000) | - |
| 05. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư | | - | - |
| 06. Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư | | - | - |
| 07. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác | | - | - |
| 08. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác | | - | - |
| 09. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn | | 1.165.328.500 | 1.412.328.500 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | (19.936.686.696) | (5.377.110.988) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------------------|---------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 01. Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu | | - | - |
| 02. Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác | | - | - |
| 03. Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác | | - | - |
| 04. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia | | - | - |
| 05. Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ | | - | - |
| 06. Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ | | - | - |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | - | - |
| IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | (1.242.129.290.640) | 4.058.572.888.853 |
| V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | | 15.927.210.705.152 | 11.868.637.816.299 |
| VI. Điều chỉnh của ảnh hưởng thay đổi tỷ giá | | - | - |
| VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm | VII.31 | 14.685.081.414.512 | 15.927.210.705.152 |

Tp. Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu



NGUYỄN HỮU CƯỜNG

Kế toán trưởng



LÊ QUANG TRUNG

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN HẢO